

Bản án số: 25 /2021/HNGĐ-PT

Ngày: 25-10- 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp  
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quyền

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Phan Thị Hồng Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về việc “*ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 87/2020/HNGĐ-ST ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Thai bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị H**, sinh năm 1956.

Trú tại: Số 33 ấp Tr, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở hiện nay: đường số 3, khu dân cư M, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Bảo T**, sinh năm 1946. Có mặt

Trú tại: ấp Tr, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Trú tại: xã Tr, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

**4. Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Bảo T

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Hồ Thị H trình bày và yêu cầu:*

Bà với ông Nguyễn Bảo T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991, đăng ký kết hôn ngày 16/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện T. Vợ chồng chung sống có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Bảo Kh (nam), sinh ngày 03/2/1995. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T tính tình thay đổi, nóng tính, xúc phạm bên gia đình bà và còn đập phá tài sản trong nhà, thường xuyên cãi nhau, bà cũng có tìm cách hàn gắn nhưng không có kết quả nên bà bỏ ra ngoài sống và đã ly thân từ tháng 6/2018. Nay bà không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bảo T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Kh, sinh ngày 03/02/1995, đã trưởng thành

- Về tài sản chung: Bà yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  quyền sử dụng đất tại thửa số 642, 655, 301 cấp ngày 16/3/2010, đất tọa lạc tại ấp Tr, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ do ông Nguyễn Bảo T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất 301 có 01 căn nhà như đã thẩm định ngày 07/12/2020 và định giá ngày 04/3/2021, bà đồng ý giao căn nhà cho ông T sử dụng nhưng ông T phải chia  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà như đã định giá.

Bà còn yêu cầu được chia các vật dụng trong nhà gồm: 01 tủ áo bằng gỗ mua năm 1996; 01 giường hộp gỗ 1,2 m mua năm 1998. Ngoài ra, bà không yêu cầu chia tài sản nào khác.

- Về nợ chung: Bà xác định không có.

*Theo các tài liệu thể hiện trong hồ sơ, ông Nguyễn Bảo T trình bày:*

Ông thống nhất lời trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, con chung. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là vào tháng 8/2018 do ông bị bệnh nằm viện thì bà H tự ý bỏ nhà đi, sau đó nộp đơn ly hôn với ông. Nay bà H cương quyết xin ly hôn với ông thì ông đồng ý.

- Về tài sản: Đối với các thửa đất 642, 655 là tài sản riêng của ông có từ trước khi kết hôn với bà H, ông không đồng ý chia cho bà H.

Riêng thửa đất 301 cũng là tài sản riêng của ông, hiện ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đồng ý chia cho bà H  $\frac{1}{2}$  diện tích, ông yêu cầu được sử dụng phần đất bên không có căn nhà.

Đối với căn nhà, vật kiến trúc trên đất tại thửa số 301, ông thừa nhận căn nhà xây dựng năm 2000 là tài sản chung của vợ chồng, ông đồng ý để cho bà H sử dụng căn nhà, bà H phải có trách nhiệm trả cho ông  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà như giá đã định.

Còn các vật dụng bà H yêu cầu thì ông cũng đồng ý chia cho bà H 01 tủ áo bằng gỗ, 01 giường hộp bằng gỗ.

- Về nợ chung: Ông xác định không có.

- Ông Nguyễn Văn Ph trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau: Đối với phần đất tại thửa số 655, 642 ông thuê đất của ông T và bà H để canh tác, thuê hàng năm chỉ nói miệng. Nếu Tòa án giải quyết đất của ai thì ông sẽ thỏa thuận với người đó. Ông cũng xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T đã thỏa thuận được với nhau các vấn đề sau: Cây trồng có trên thửa đất số 301, nếu ai được chia vị trí nào thì cây trồng thuộc về người đó. Bà Hồng sẽ được nhận 01 tủ áo bằng gỗ, 01 giường hộp bằng gỗ

*Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã quyết định:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Bảo T.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Bảo Kh (nam), sinh ngày 03/2/1995, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

3.1. Buộc ông Nguyễn Bảo T có trách nhiệm chia cho bà Hồ Thị H quyền sử dụng đất như sau:

- Bà H được nhận là vị trí B, diện tích 998,0 m<sup>2</sup> (loại đất CLN), theo trích đo địa chính số 33/TTKTTNMT ngày 22/4/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận số CH00073, thửa số 642 diện tích đo đạc thực tế 1.975,4 m<sup>2</sup>, loại đất CLN, cấp ngày 16/3/2010.

- Bà H được nhận là vị trí B, diện tích 940,0 m<sup>2</sup> (loại đất LUC), theo trích đo địa chính số 32/TTKTTNMT ngày 22/4/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận số CH00072, thửa đất số 655, diện tích đo đạc thực tế 2.036,5 m<sup>2</sup>, loại đất LUC, cấp ngày 16/3/2010.

- Bà H được nhận là vị trí B, diện tích 344,5 m<sup>2</sup> (loại đất ONT), theo trích đo địa chính số 34/TTKTTNMT ngày 22/4/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận số CH00074, thửa đất số 301 đo đạc thực tế 715,4 m<sup>2</sup>, loại đất ONT, cấp ngày 16/3/2010.

3.2. Ổn định cho ông Nguyễn Bảo T được quyền sở hữu, sử dụng 01 căn nhà chính, nhà phụ và các công trình khác trên thửa đất số 301 (vị trí A).

Cây trồng có trên thửa đất số 301: Trên vị trí đất của bà H (vị trí B) thì bà Hồng được nhận, trên vị trí đất của ông T (vị trí A) thì ông Toàn được nhận.

3.3. Buộc ông Nguyễn Bảo T có trách nhiệm trả ½ giá trị căn nhà cho bà Hồng với số tiền 158.335.496 đồng (một trăm năm mươi tám triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm chín mươi sáu đồng).

3.4. Bà H được nhận 01 tủ áo bằng gỗ, 01 giường hộp bằng gỗ.

4. Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia đôi 03 thửa đất, do đây là tài sản riêng của ông có trước hôn nhân.*

*Ngày 22/6/2021, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai kháng nghị, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia thửa đất 642 và 645, do đây là tài sản riêng của ông Toàn.*

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Bà H và ông T tự nguyện thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, cụ thể: bà H và ông T thuận tình ly hôn, về tài sản: thống nhất giao 03 thửa đất, nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất cho ông T, ông T có trách nhiệm giao cho bà H số tiền 325.000.000đ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo và Viện kiểm sát kháng nghị trong hạn luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai là có căn cứ, cụ thể: bà Hồng và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, đến ngày 16/01/2008 thì đăng ký kết hôn. Theo điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về thi hành luật hôn nhân năm 2000 thì từ năm 1991 đến ngày 15/01/2008 bà H và ông T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Từ ngày 16/01/2008 mới được công nhận là vợ chồng chính thức. Về nguồn gốc tài sản tranh chấp, theo thừa nhận của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, nguồn gốc 03 thửa đất là của cha mẹ ông T cho ông T trước năm 1991, năm 1991 ông T kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000209 ngày 12/11/1992, đến năm 2010 ông T đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp lại giấy chứng nhận nêu trên. Hôn nhân giữa bà Hg và ông T được xác lập năm 2008, theo Điều 32 Luật hôn nhân năm 2000, Điều 43, 44 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định:

*“ Tài sản riêng của vợ, chồng gồm tài sản mà mỗi người có trước khi kết hôn;...*

*Vợ, chồng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản riêng của mình; nhập hoặc không nhập tài sản riêng vào tài sản chung.”*

Ông T không đồng ý và cũng không có văn bản đồng ý nhập tài sản riêng vào tài sản chung nên cần xác định đây là tài sản riêng của ông T. Cấp sơ thẩm cho rằng ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời kỳ chung sống với bà H để xác định là tài sản chung là không phù hợp pháp luật.

Tuy nhiên, Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, sự tự nguyện thỏa thuận này là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[2] Đối với sai sót của cấp sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nêu là có căn cứ, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Hồng và ông Toàn do là người cao tuổi.

- Án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Toàn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2021/HNGĐ-ST ngày 11/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hồ Thị H và ông Nguyễn Bảo T.

2. Về chia tài sản:

2.1. Ông Nguyễn Bảo T được toàn quyền sử dụng các thửa đất Thửa đất số 642, diện tích đo đạc thực tế 1.975,4 m<sup>2</sup>, loại đất CLN; Thửa đất số 655, diện tích đo đạc thực tế 2.036,5 m<sup>2</sup>, loại đất LUC; thửa đất 301 diện tích đo đạc thực tế 715,4m<sup>2</sup>, loại đất ONT.

Ông Nguyễn Bảo T được quyền sở hữu, sử dụng 01 căn nhà chính, nhà phụ và các công trình khác, cây trồng trên thửa đất số 301.

*(Các thửa đất tạo lập tại ấp Tr, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ)*

Ông Nguyễn Bảo T có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Hồ Thị H giá trị tài sản được chia là 325.000.000đ đồng *(Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

*(Căn cứ Bản trích đo địa chính ngày 22/4/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ để xác định vị trí, kích thước, diện tích các thửa đất của ông Toàn).*

2.2. Bà H được nhận 01 tủ áo bằng gỗ, 01 giường hộp bằng gỗ, ông Nguyễn Bảo T có trách nhiệm giao lại cho bà H.

3. Về chi phí thẩm định, định giá: Bà H, ông T mỗi người phải chịu 5.000.000đ, bà H đã nộp 10.000.000đ để thanh toán nên ông T phải hoàn trả lại cho bà Hồng 5.000.000đ (năm triệu đồng)

4. Về án phí sơ thẩm: miễn án phí cho ông T, bà H (do là người cao tuổi)

5. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Nguyễn Bảo T.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7 và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND-TPCT
- TAND H. Thới Lai
- Các đương sự
- Chi Cục THADS H.Thới Lai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Quyền**